CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***443 454***	***85 356***	***358 098***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**119 080**	**22 977**	**96 103**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***5 300***	***4 984***	***316***			
1		CROMIT THANH HÓA	16/7	1800/7	26/7	MINH HẰNG 262	CÁM 5A.1	4 200	3 911	289	20/7	PTCB	
2		ĐTTM&DV	18/7	1821/7	25/7	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 100	1 073	27	20/7	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***24 420***	***17 993***	***6 427***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	16/7	467/7	26/7	QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	17 696	5 104	RÓT DỞ	HỘ LỚN	TTCO: 22.800
2		KDT MIỀN BẮC	20/7	1833/7	30/7	HP-HD 2039	CÁM 5A.1	1 620	297	1 323	RÓT DỞ	PTCB	
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***89 360***		***89 360***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	464/7		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.1	29 300		29 300		HỘ LỚN	TTCO: 29.300
3		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	20/7	471/7		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750		22 750		HỘ LỚN	TTCO: 22.750
4		CROMIT THANH HÓA	20/7	1839/7	30/7	MINH TÂN 68	CÁM 5A.1	3 700		3 700		PTCB	
5		XNK THAN	20/7	1845/7	30/7	VINACOMIN 03-01	CÁM 5A.1	3 150		3 150		PTCB	
6		VT & KDT	16/7	1743/7	23/7	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 160		1 160		TD	GIA HẠN L1
7		KDT MIỀN BẮC	18/7	1684/7	25/7	BN 2397	CỤC 4A.2	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
8		THAN MIỀN TRUNG	18/7	1656/6	25/7	Á ĐÔNG 36 (BN 1789)	CỤC XÔ 1C	1 500		1 500		TD	GIA HẠN L3
9		TCT ĐÔNG BẮC	19/7	1761B/7	26/7	NB 8707	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	Thay TBRT số 1761/7
	Tàu chuyển tải							**186 290**	**33 470**	**152 820**			
	Tàu đã làm hàng							***23 000***	***22 900***	***100***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	09/7	454/7		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000	22 900	100	20/7	HỘ LỚN	TTHG: 18.372.23 - KVCP: 4.527,7
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***67 000***	***10 570***	***56 430***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	466/7		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 000	1 400	21 600	DỞ	HỘ LỚN	TTHG:18.000 - KVCP:5.000
2		CN TCT PHÁT ĐIỆN 3- CTY CP	15/7	465/7		TRƯỜNG NGUYÊN STAR	CÁM 6A.14	23 300	3 670	19 630	DỞ	HỘ LỚN	KDTCP: 6000, CPXNKT: 10000, KVCP: 7300
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	462/7		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700	5 500	15 200	DỞ	HỘ LỚN	TTHG:16.000 - KVCP:4.700
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***96 290***		***96 290***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	463/7		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 690		27 690		HỘ LỚN	TTHG:22.500 - KVCP:5.690
2		ĐIỆN VĨNH TÂN	18/7	470/7		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 350		27 350		HỘ LỚN	KDTCP:6.000 XNKT: 15.000 KVCP:6.350

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		ĐIỆN VĨNH TÂN	20/7	472/7		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250		41 250		HỘ LỚN	TTCO: 15.000 XNK: 10.000 KDTCP: 8.000 KVCP: 8.250
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**39 601**	**3 635**	**35 966**			
	Tàu đã làm hàng							***1 900***	***1 678***	***222***			
1		THAN MIỀN NAM	14/7	1783/7	21/7	NISSI 777	CÁM 8A	1 900	1 678	222	20/7	TD	NGUỒN ĐN-CS
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***9 133***	***1 957***	***7 176***			
1		KDT MIỀN BẮC	17/7	1817/7	27/7	NB 8715	CÁM 7B	3 350	264	3 086	RÓT DỞ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		KDT MIỀN BẮC	20/7	1829B/7	30/7	BN 0959	CÁM 7C	1 360	432	928	RÓT DỞ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS, Thay TBRT số 1829/7
3		KDT MIỀN BẮC	20/7	1837/7	30/7	BN 2638	CÁM 7C	1 923		1 923		PTCB	NGUỒN ĐN-CS
4		DVVT QUẢNG NINH	16/7	1806/7	23/7	BN 2999	CÁM 8A	2 500	1 261	1 239	RÓT DỞ	TD	NGUỒN ĐN-CS
	Tàu đã làm lệnh							***28 568***		***28 568***			
1		CP XNK THAN	18/7	1824/7	28/7	VIỆT THUẬN TĐ 01	CÁM 7B	5 312		5 312		PTCB	
2		XNK THAN	20/7	1838/7	30/7	BN 2058	CÁM 7B	1 100		1 100		PTCB	NGUỒN ĐN-CS
3		TCT ĐÔNG BẮC	16/7	1794/7	23/7	HP 6093	CÁM 8A	2 048		2 048		TD	NGUỒN ĐN-CS
4		ĐTTM&DV	16/7	1798/7	23/7	FLJ777	CÁM 8A	2 350		2 350		TD	NGUỒN ĐN-CS
5		XNK ANH KHOA	17/7	1812/7	24/7	PT 2698	CÁM 8A	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
6		THÁI SƠN HP	17/7	1816/7	24/7	BN 2112	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
7		XNK THAN	17/7	1815/7	24/7	QN 8068	CỤC XÔ 1A	970		970		TD	NGUỒN ĐN-CS
8		CP VT THUỶ	18/7	1823/7	25/7	HƯNG THỊNH 26	CÁM 8A	2 250		2 250		TD	NGUỒN ĐN-CS
9		ĐT TM & DV	18/7	1659/6	25/7	BN 2646	CỤC XÔ 1C	1 175		1 175		TD	NGUỒN MD, GIA HẠN LẦN 3
10		TCT ĐÔNG BẮC	18/7	1757/7	25/7	NB 8530	CỤC XÔ 1A	1 150		1 150		TD	NGUỒN ĐN-CS,GIA HẠN LẦN 1
11		ĐT TM & DV	18/7	1662/6	25/7	BN 1309	CỤC XÔ 1B	1 128		1 128		TD	NGUỒN CS,GIA HẠN LẦN 3
12		ĐT TM & DV	18/7	1756/7	25/7	BN 2579	CỤC XÔ 1A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-CS,GIA HẠN LẦN 1
13		TNV-HẢI DƯƠNG	20/7	1836/7	27/7	HẢI ÂU 199	CÁM 8A	2 300		2 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
14		CP HÀNG HẢI VIỆT NAM	20/7	1842/7	27/7	NA 8989	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-CS
15		KDT MIỀN BẮC	20/7	1843/7	27/7	BN 1336	CỤC XÔ 1B	900		900		TD	NGUỒN: TN
16		KDT MIỀN BẮC	20/7	1844/7	27/7	BN 2728	CÁM 7C	2 585		2 585		TD	NGUỒN ĐN-CS
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							-	-	-			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
IV	**KHO CẢNG KM6**							**27 883**	**13 074**	**14 809**			
	Tàu đã làm hàng							***13 116***	***13 074***	***42***			
1		KDT MIỀN BẮC	20/7	1840/7	30/7	NĐ 3577	CÁM 5B.1	2 127	2 122	5	20/7	PTCB	
2		KHO VẬN ĐÁ BẠC	19/7	1825/7	29/7	NB 6383	CÁM 5B.1	5 038	5 024	14	20/7	CHUYỂN VÙNG	
3		KHO VẬN ĐÁ BẠC	19/7	1826/7	29/7	QUẢNG PHÚC 86 (QN 7583)	CÁM 6B.1	3 490	3 473	17	20/7	CHUYỂN VÙNG	
4		KHO VẬN ĐÁ BẠC	19/7	1828/7	29/7	VIỆT NHẬT 18 (HD 6286)	CÁM 5B.1	2 461	2 456	5	20/7	CHUYỂN VÙNG	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***4 685***		***4 685***			
1		NHÔM ĐĂK NÔNG	20/7	1835/7	30/7	HOÀNG GIA 56	CÁM 5A.1	1 715		1 715		HỘ LỚN	
							CỤC 4A.2	1 370		1 370			
2		DVVT QUẢNG NINH	19/7	1832/7	26/7	QN 8660	BÙN 3C	1 600		1 600		TD	
	Tàu đã làm lệnh							***10 082***		***10 082***			
1		XNK THAN	20/7	1834/7	30/7	HOÀNG ANH 668	CÁM 5B.1	4 292		4 292		PTCB	
2		CROMIT THANH HÓA	20/7	1841/7	30/7	KHÁNH MINH 19	CÁM 5A.1	2 370		2 370		PTCB	
3		KHO VẬN ĐÁ BẠC	20/7	1846/7	30/7	SƠN HẢI 09	CÁM 6B.1	3 420		3 420		CHUYỂN VÙNG	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**35 500**	-	**35 500**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***35 500***		***35 500***			
1		LÀO	15/7	60/7		HOÀNG PHƯƠNG LUCKY	CÁM 1	6 500		6 500			TTCO: 6.500
2		INDONESIA	20/7	5119		VIỆT THUẬN 30-06	CỤC 5B.2	29 000		29 000			KVĐB: 10.000 VD: 19.000
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**35 100**	**12 200**	**22 900**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***18 000***	***12 200***	***5 800***			
1		MOZAMBIQUE	13/7	CLM		MV GRAND T		18 000	12 200	5 800	DỞ		TTCO: 18.000
	Tàu đã làm lệnh							***17 100***		***17 100***			
1		LÀO	17/7	5031		VIỆT THUẬN 235-06	Than Anthracite Lào	12 100		12 100			TTCO: 7.100, KVCP: 5.000
2		LÀO	17/7	5032		VIỆT THUẬN 235	Than Anthracite Lào	5 000		5 000			TTCO: 5.000
										0			
										0			
										0			
										0			
										0			